

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN CAO LÃNH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH ĐỒNG THÁP**

Bản án số: 08/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 16 - 01 - 2025.

V/v “Tranh chấp về hôn nhân
và gia đình về ly hôn, con chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Châu Văn Sang**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Phan Thị Mướt**
2. Ông **Phan Quốc Tiến**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phan Thị Bích Ngọc** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 16 tháng 01 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 465/2024/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 11 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình – Ly hôn, nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 638/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Mai Thị Bích T**, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Tổ A, khóm M, phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Anh **Lê Minh T1**, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

(Các đương sự đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn chị Mai Thị Bích T trình bày:**

- Về hôn nhân: Chị Mai Thị Bích T và anh Lê Minh T1 qua thời gian tìm hiểu và tiến đến hôn nhân năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 04/12/2019. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Thời gian sau này, vợ chồng phát sinh nhiều

mâu thuẫn, cả hai không cùng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung nên dẫn đến mâu thuẫn kéo dài và ngày càng nghiêm trọng. Chị T và anh T1 đã ly thân khoảng 07 tháng nay, thời gian qua cả hai không tìm cách hàn gắn. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không hoà hợp để xây dựng hôn nhân hạnh phúc nên chị Mai Thị Bích T yêu cầu ly hôn với anh Lê Minh T1.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Lê Mai Bảo N, sinh ngày 01/01/2021. Hiện con chung đang sinh sống cùng chị T.

Khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Lê Mai Bảo N, sinh ngày 01/01/2021. Chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn anh Lê Minh T1 trình bày:**

- Về hôn nhân: Anh Lê Minh T1 thừa nhận lời trình bày của chị T về thời gian kết hôn cũng như mâu thuẫn vợ chồng là đúng. Nay anh Lê Minh T1 đồng ý ly hôn với chị Mai Thị Bích T.

- Về nuôi con: Vợ chồng có 01 con chung Lê Mai Bảo N, sinh ngày 01/01/2021. Hiện con chung đang sinh sống cùng chị T.

Khi ly hôn, anh T1 đồng ý giao con chung tên Lê Mai Bảo N, sinh ngày 01/01/2021 để chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Anh T1 không cấp dưỡng nuôi con chung do chị T không có yêu cầu.

- Về chia tài sản khi ly hôn: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:**

+ Nguyên đơn chị Mai Thị Bích T cung cấp các tài liệu, chứng cứ:

- CCCD Mai Thị Bích T (bản sao);

- Giấy khai sinh Lê Mai Bảo N (bản sao);

- Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính).

+ Bị đơn anh Lê Minh T1 cung cấp tài liệu: CCCD (bản photo).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào đơn yêu cầu ly hôn của chị Mai Thị Bích T về việc yêu cầu được ly hôn với anh Lê Minh T1, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con*”.

[2] Về thẩm quyền: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình về việc xin ly hôn giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn hiện nay đang cư trú tại Ấp M, xã M, huyện C nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Chị Mai Thị Bích T và anh Lê Minh T1 qua thời gian tìm hiểu và tiến đến hôn nhân năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 04/12/2019 nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian chung sống thì nay chị T yêu cầu ly hôn vì cho rằng vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, cả hai không cùng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung nên dẫn đến mâu thuẫn kéo dài và ngày càng nghiêm trọng. Chị T và anh T1 đã ly thân khoảng 07 tháng nay, thời gian qua cả hai không tìm cách hàn gắn. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không hoà hợp để xây dựng hôn nhân hạnh phúc nên chị Mai Thị Bích T yêu cầu ly hôn với anh Lê Minh T1. Tại phiên tòa, anh Lê Minh T1 thừa nhận lời trình bày của chị T về thời gian sống chung cũng như mâu thuẫn vợ chồng là đúng. Nay anh Lê Minh T1 đồng ý ly hôn với chị Mai Thị Bích T. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Mai Thị Bích T.

- Về nuôi con: Vợ chồng có 01 con chung tên Lê Mai Bảo N, sinh ngày 01/01/2021. Hiện con chung đang sinh sống cùng chị T.

Xét thấy, hiện con chung đang sống với chị T phát triển và được chăm sóc tốt. Tại phiên tòa, để đảm bảo cuộc sống ổn định cũng như sự phát triển của cháu N, chị T và anh T1 thống nhất thoả thuận chị T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Mai Bảo N, sinh ngày 01/01/2021. Hai bên chị T và anh T1 đã thống nhất thoả thuận được việc nuôi con chung nên Hội đồng xét xử công nhận

sự thoả thuận này. Do đó, chị T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Mai Bảo N, sinh ngày 01/01/2021.

Anh Lê Minh T1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Mai Thị Bích T không yêu cầu anh Lê Minh T1 cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó, anh Lê Minh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Mai Thị Bích T không có yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh T1 trình bày không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, thì chị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai số 0009320 ngày 01/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 9, 51, 53, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Mai Thị Bích T.

- Về hôn nhân: Chị Mai Thị Bích T được ly hôn với anh Lê Minh T1.

- Về nuôi con và cấp dưỡng: Chị Mai Thị Bích T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Lê Mai Bảo N, sinh ngày 01/01/2021. Anh Lê Minh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Mai Thị Bích T không có yêu cầu.

Anh Lê Minh T1 có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị Mai Thị Bích T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai số 0009320 ngày 01/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- CCTHADS HCL;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Châu Văn Sang